TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2021/DS-ST Ngày 14-6-2021 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang -Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 04-01-2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-DS ngày 26-4-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam** (*sau đây viết tắt là Ngân hàng Agribank*); Địa chỉ: Số 02 đường L, B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Tuấn Anh** – Là Cán bộ pháp chế của Ngân hàng A-Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ: Số 20B đường T, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Giấy ủy quyền số 338/GUQ-NHNST-TH ngày 09-02-2021 của Giám đốc Ngân hàng Argibank Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Số 62/7 đường

V, Khóm 1, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-7-2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29-11-2016, bà Trần Thị P đã ký với Ngân hàng A Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 với hạn mức thấu chi là 50.000.000 đồng, thời hạn cấp thấu chi là là 12 tháng, không có tài sản bảo đảm. Sau khi vay bà P chỉ trả lãi cho Ngân hàng được số tiền là 176.600 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bằng văn bản nhưng bà Trần Thị P vẫn không thanh toán tiền lãi và tiền gốc định kỳ theo hợp đồng cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 14-6-2021, với tổng số tiền là 80.406.597 đồng, trong đó tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 29-11-2017 là 4.815.972, lãi quá hạn tính từ ngày 30-11-2017 đến ngày 14-6-2021 là 25.590.625 đồng, tổng cộng tiền lãi là 30.406.597 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng thấu chi cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

Kèm theo đơn khởi kiện, Ngân hàng A đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0100686174-212 ngày 23-5-2016 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng, Quyết ủy quyền thực hiện, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-HĐTV-PC ngày 27-12-2019, Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016, Quyết định số 361/QĐTC-UBND ngày 21-4-2017 của UBND thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, Biên bản làm việc ngày 18-01-2017 và bảng sao kê nợ khách hàng ngày 28-5-2021.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện

kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là bà Trần Thị P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng A yêu cầu bà Trần Thị P có nơi cư trú tại Số 62/7 đường V, Khóm 1, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thanh toán tiền nợ vay phát sinh từ Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016 nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân thành phố S đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Đối với bị đơn là bà Trần Thị P sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà P nhưng bà P không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ, không tham gia phiên họp và hòa giải mà không có lý do chính đáng nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng A đã cung cấp Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016 có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị P thể hiện là người đề nghị cấp hạn mức thấu chi, đây được xem là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Alà hợp pháp theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nên có đủ căn cứ xác định giữa bà P với Ngân hàng Athực tế có giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định pháp luật và lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành. Do đó, Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016 là hợp pháp, các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi ký kết hợp đồng nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Theo nội dung Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016 thì Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho bà P số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn cấp thấu chi là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, với lãi suất 9,5%/năm, mức lãi suất có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng Atheo từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn tức là 14,25%/năm. Sau khi Ngân hàng cấp hạn thấu chi thì đã rút hết số tiền hạn mức là 50.000.000 đồng, nhưng bà P chỉ đóng tiền lãi được cho Ngân hàng được số tiền là 176.600 đồng từ đó cho đến nay bà P không thực hiện nghĩa trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng nên đã vi phạm Điều 5; Điều 6 của Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016. Do đó, Ngân hàng Acó quyền thu hồi nợ theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 của Luật Tổ chức Tín dụng năm 2010 cũng như Điều 6 của Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016.

Xét việc Ngân hàng A yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ thanh toán tiền nợ thấu chi cho Ngân hàng số tiền nợ tổng cộng là 80.406.597 đồng, trong đó tiền gốc hạn mức thấu chi được cấp là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30-11-2016 đến ngày 29-11-2017 là 4.815.972, lãi quá hạn tính từ ngày 30-11-2017 đến ngày 14-6-2021 là 25.590.625 đồng, tổng cộng tiền lãi là 30.406.597 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng thấu chi tính từ ngày 15-6-2021 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Tổ chức Tín dụng và Điều 11, điểm

c Khoản 2 Điều 24, điểm d Khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

Từ những căn cứ và nhận đinh nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí là 4.020.330 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 95 của Luật Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A.

Buộc bà Trần Thị P trả cho Ngân hàng A số tiền là 80.406.597 đồng, trong đó tiền nợ gốc thấu chi là 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.815.972 đồng và tiền lãi quá hạn là 25.590.625 đồng.

Kể từ ngày 15-6-2021, Trần Thị P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng thấu chi số 7600LAV201602040 ngày 29-11-2016 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Trần Thị P phải

tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải chịu là 4.020.330 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.018.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004883 ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định